

Bản án số: 931/2024/HS-PT

Ngày: 25/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán:

Ông Ong Thân Thắng;

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh B đã xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án Hình sự thụ lý số 1089/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Đình H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 73/2024/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Đình H**, sinh năm 1989; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn G, xã C, huyện L, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn (văn hoá): 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; họ tên bố: Lê Đình V (đã chết); họ tên mẹ: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; gia đình bị cáo có 03 anh em, bản thân là thứ ba; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2012/HSST ngày 13/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng 24 ngày về tội: “Đánh bạc”. (Đã được xóa án tích)

- Bản án hình sự phúc thẩm số 75/2012/HSPT ngày 16/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc” (đã được xóa án tích).

- Ngày 20/4/2021, bị Công an huyện L1 xử phạt vi phạm hành chính số

tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp xong tiền phạt ngày 27/4/2021.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình H:**

Luật sư Nguyễn Đức T – Văn phòng Luật TNHH Q THL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: số 512 đường L2, phường H1, thành phố B, tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Lê Đình H và anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1991, trú tại khu phố M, phường M, thị xã Q1, tỉnh B1 có mối quan hệ bạn bè xã hội với nhau. Khoảng tháng 6/2023 là thời điểm Lê Đình H đang nợ tiền của nhiều người với số tiền khoảng 2.500.000.000 đồng và không còn khả năng, tài sản để đảm bảo việc trả nợ.

Để có tiền chi tiêu cá nhân, trả nợ, Lê Đình H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh T1. Thực hiện ý định trên, H đã đưa ra các thông tin gian dối, không đúng sự thật về bản thân mình để anh T1 tin tưởng chuyển tiền cho H sau đó chiếm đoạt. Cụ thể, H đã đưa ra các thông tin gian dối như: H có quan hệ thân thiết với anh “B2” là Phó Giám đốc Công an tỉnh B nên có thể nhờ giúp anh T1 mở “phòng sập” tức là phòng sử dụng ma túy tại huyện V1, tỉnh B (H biết anh T1 đang có ý định mở “phòng sập”); H nói dối cần tiền mua máy tính đặt ở Campuchia để làm game đánh bạc qua mạng Internet; cần tiền để đóng học cho cháu của H; cần tiền để chạy án; cần tiền để đi chữa bệnh; đảo sỏ ngân hàng.... để anh T1 thêm tin tưởng, H đã tạo ra 01 tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “Z” và giả mạo là “T2” là em của H đang làm ăn ở Campuchia để kết bạn, nói chuyện với anh T1. H dùng tài khoản “Z” này nhắn tin vào tài khoản Zalo mang tên “T3” của H tạo thành câu chuyện giả mạo rồi cho anh T1 xem lại các tin nhắn đó. Nội dung các tin nhắn này và tin nhắn giữa tài khoản “Z” với anh T1; tin nhắn giữa anh T1 với H đều do H dựng lên nhằm hỗ trợ cho các câu chuyện mà H đang gian dối nhằm mục đích làm cho anh T1 tin tưởng những lý do mà H đưa ra rồi chuyển tiền cho H sau đó H chiếm đoạt.

Bằng các thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 23/9/2023 đến ngày 30/01/2024, Lê Đình H đã nhiều lần yêu cầu anh T1 chuyển tiền cho H vào các số tài khoản theo yêu cầu của H với tổng số tiền 1.533.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm, ba mươi ba triệu đồng) sau đó chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Ngày 22/9/2023, H nói dối cần tiền đầu tư mua máy tính làm game, bài ở Campuchia và bảo anh T1 chuyển cho vay 115.000.000 đồng.
- Ngày 23/10/2023, H nói dối cần tiền đóng tiền học cho con của “T3” để

anh T1 chuyển 18.000.000 đồng.

- Ngày 04/11/2023, H nói dối cần tiền chạy án cho em trai của H để anh T1 chuyển 300.000.000 đồng.

- Ngày 30/11/2023, H nói dối cần tiền để chạy trốn khỏi cơ quan Công an sau khi gây án để anh T1 chuyển 30.000.000 đồng.

- Ngày 05/12/2023, T3 nói dối cần tiền chuộc xe ô tô để anh T1 chuyển 150.000.000 đồng.

- Ngày 26/12/2023, H nói dối và bảo anh T1 chuyển số tiền 7.000.000 để mua hải sản và 25.000.000đ để mua rượu biếu “anh B2” là Phó Giám đốc Công an tỉnh B để đến quan hệ, nhờ “anh B2” giúp mở “phòng sập” cho anh T1.

- Ngày 29/12/2023, H đề nghị Trung chuyển 100.000.000đ để H gặp gỡ, quan hệ và đưa tiền cho “anh B2” để mở “phòng sập”.

- Ngày 31/12/2023, H bảo anh T1 chuyển thêm 50.000.000đ để đưa cho “anh B2” để mở “phòng sập”.

- Ngày 02/01/2024, H nói dối cần tiền để bồi thường cho một người tên Nam bị H đánh thương tích và chạy án để anh T1 chuyển 150.000.000 đồng.

- Ngày 11/01/2024, H nói dối cần tiền đóng tiền học cho con của “T3” để anh T1 chuyển 18.800.000 đồng.

- Ngày 12/01/2024, H nói dối cần tiền đáo hạn sổ vay ngân hàng để anh T1 chuyển cho vay 100.000.000 đồng.

- Ngày 16/01/2024, H nói dối cần tiền đi chữa bệnh do bị “anh B2” - Phó Giám đốc Công an tỉnh B đánh vì lý do cãi láo với anh B2 để anh T1 chuyển 90.000.000 đồng

- Ngày 17/01/2024, H nói dối cần tiền đi chữa bệnh do phát hiện bị bệnh phổi do thương tích “anh B2” đánh để anh T1 chuyển 100.000.000 đồng.

- Ngày 19/01/2024, H tiếp tục nói dối để anh T1 chuyển cho H 96.000.000 đồng để H đi hút dịch phổi do bị “anh B2” đánh.

- Ngày 20/01/2024, H tiếp tục nói dối cần 120.000.000 đồng để làm các phẫu thuật do thương tích “anh B2” đánh để lại.

- Ngoài ra, từ khoảng giữa năm 2023, Lê Đình H đang nợ nhiều tiền của người khác mà không còn khả năng trả nợ nhưng H đã lợi dụng anh T1 là bạn và việc anh T1 đang nhờ quan hệ giúp mở “phòng sập” nên H đã đưa ra các lý do khác nhau để anh T1 tin tưởng cho H vay tiền nhiều lần chỉ tiêu cá nhân sau đó chiếm đoạt với tổng số tiền 63.200.000 đồng (cụ thể: Ngày 13/9/2023 vay 35.000.000 đồng; ngày 27/11/2023 vay 1.000.000 đồng; ngày 20/12/2023 vay 20.000.000 đồng; ngày 01/01/2024 vay 3.200.000 đồng; ngày 15/01/2024 vay 2.000.000 đồng và ngày 30/01/2024 vay 2.000.000 đồng).

Sau mỗi lần nhận được tiền của anh T1, H khai đã sử dụng để trả nợ, chi tiêu cá nhân và mua thẻ điện thoại nạp tiền vào các tài khoản game để tham gia đánh bạc qua mạng Internet mà không sử dụng vào mục đích như đã nói với anh T1.

Sau khi biết H gian dối để chiếm đoạt tiền, anh T1 đã làm đơn tố giác giác đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B. Ngày 07/3/2024, Lê Đình H đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Về vật chứng đã thu giữ:

- Thu giữ của Lê Đình H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, vỏ màu hồng. Số Imei: 35333207903909 (bút lục 14).

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1971, trú tại thôn T4, xã Đ, huyện L, tỉnh B giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, vỏ màu vàng. Số Imei1: 359508620477363; Số Imei2: 359508620755271 (bút lục 168).

Quá trình điều tra xác định: Chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, vỏ màu hồng là của cháu Lê Thị Như Q2, sinh năm 2013, trú tại thôn G, xã C, huyện L, tỉnh B cho H mượn để sử dụng (cháu Q2 là con của anh ruột H) và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, vỏ màu vàng là của H bán cho anh N. Cả cháu Q2 và anh N đều không biết gì về hành vi phạm tội của H. Sau khi kiểm tra, giám định để trích xuất các dữ liệu có trong các điện thoại, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại này cho cháu Q2 và anh N (bút lục 43A; 47; 49).

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, trú tại thôn G, xã C, huyện L là mẹ của Lê Đình H đã trả cho anh T1 số tiền 50.000.000 đồng. Anh T1 yêu cầu H phải trả lại số tiền còn lại đang chiếm đoạt là 1.483.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HS-ST ngày 23 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố H2 đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Đình H 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 07/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xét thấy ngày 28/08/2024, bị cáo Lê Đình H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Đình H giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt và cung cấp tài liệu mới là Giấy xác nhận ông nội bị cáo là người được tặng thưởng huân

chương kháng chiến chống Pháp.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo trình bày quan điểm: Bị cáo Lê Đình H đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo là tương đối nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo; áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm; giảm hình phạt cho bị cáo H xuống còn 11 năm 06 tháng tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo; căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đình H mức án 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H xuất trình Giấy xác nhận ông nội bị cáo là người được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Pháp. Xét đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét vậy nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm và giảm hình phạt của bị cáo từ 06 tháng tù.

Bị cáo Lê Đình H nói lời cuối cùng: Cảm ơn đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị cáo, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của luật sư, của bị cáo, quan điểm của của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Đình H kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Đình H phù hợp với nội dung bản cáo trạng, kết luận điều tra và bản án sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền chi tiêu cá nhân, trả nợ, Lê Đình H đã lợi dụng mối quan hệ bạn bè và sự tin tưởng của anh Nguyễn Đức T1 rồi đưa ra các thông tin gian dối, không đúng sự thật về bản thân như: H có quan hệ thân thiết với anh “B2” là Phó Giám đốc Công an tỉnh B nên có thể nhờ anh B2 giúp anh T1 mở phòng sử dụng ma túy tại huyện V1, tỉnh B; nói dối cần tiền mua máy tính đặt ở Campuchia để làm game đánh bạc qua mạng; cần tiền để chạy án, đi chữa bệnh, đảo sổ ngân hàng, chuộc xe, đóng học cho cháu.... để anh T1 tin tưởng chuyển tiền cho H sau đó bị cáo chiếm đoạt. Bằng các thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 23/9/2023 đến ngày 30/01/2024, Lê Đình H đã nhiều lần chiếm đoạt của anh T1 với tổng số tiền là 1.533.000.000 đồng (*Một tỷ*

năm trăm ba mươi ba triệu đồng). Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo H đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 1.550.000.000 đồng, anh T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Hành vi của bị cáo Lê Đình H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Bộ Luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Đình H:

[3.1] Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 1.550.000.000 đồng nên bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân. Tòa án sơ thẩm đã xem xét bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội từ năm 2008 đến 2010, bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C được Ban chấp hành hội người cao tuổi huyện L tặng giấy khen để vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Đình H 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

[3.2] Mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu với 02 lần bị xét xử hình sự và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Mặt khác, để thực hiện trót lọt hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, H đã rất xảo quyệt khi tạo ra 01 tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “Z” và giả mạo tên “T2” là em của H đang làm ăn ở Campuchia để kết bạn, nói chuyện với anh T1 và liên hệ vào tài khoản Zalo mang tên “T3” của H tạo thành câu chuyện giả mạo nhằm hỗ trợ cho hành vi gian dối của H để anh T1 thêm tin tưởng, nhiều lần giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện vận dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

[3.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp Giấy xác nhận ông nội bị cáo là người được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Pháp nhưng đây là tình tiết mới không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo để giảm một phần hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Lê Đình H tại bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Đình H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Đình H; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Đình H 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 07/3/2024.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Lê Đình H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I - TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Bị cáo (qua trại TG);
- Lưu HS, PHCTP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Mai